

Số:195/BC-STP

Kon Tum, ngày 03 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2025

Thực hiện Công văn số 3790/UBND-NC ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chế độ báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (*viết tắt là PCTN,TC*); Sở Tư pháp báo cáo công tác PCTN,TC 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTNTC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN,TC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN,TC; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN,TC

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN,TC.

- Thực hiện các Văn bản¹ của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác PCTN,TC, Sở Tư pháp đã ban hành kịp thời, đầy đủ các Kế hoạch² để triển khai thực hiện công tác PCTN,TC trong cơ quan.

- Sở Tư pháp đã ban hành: Văn bản về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng³; Văn bản về việc tham gia ý kiến đối với các dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2025 và dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024⁴; Báo cáo kết quả phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong công tác PCTN của Sở Tư pháp⁵; Văn bản⁶ cử cá nhân phụ trách đánh giá công tác phòng, chống

¹ Công văn số 3662/UBND-NC ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc triển khai thực hiện các quy định về kiểm soát xung đột lợi ích; Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 về phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 04 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2025.

² Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-STP ngày 05 tháng 02 năm 2025; Kế hoạch số 18/KH-STP ngày 24 tháng 02 năm 2025.

³ Văn bản số 2776/STP-TTr ngày 28 tháng 12 năm 2024

⁴ Văn bản số 104/STP-TTr ngày 15 tháng 01 năm 2025

⁵ Báo cáo số 50/BC-STP ngày 06 tháng 02 năm 2025.

tham nhũng theo Kế hoạch số 529/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024; Văn bản⁷ tham gia ý kiến đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quy định số 189-QĐ/TW, ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo quy định theo đề nghị của Sở Tài chính; Văn bản⁸ tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo kết quả hoạt động Quý I-2025 của Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh; Văn bản⁹ tham gia góp ý đối với dự thảo Kế hoạch PCTN,TC năm 2025; Báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện trách nhiệm giải trình của Sở Tư pháp, người đứng đầu trong hoạt động công vụ¹⁰; Văn bản về việc tham gia ý kiến dự thảo Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN năm 2024¹¹; Báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác PCTN năm 2024¹²; Kế hoạch phối hợp tiếp công dân phục vụ Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV¹³; Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí¹⁴; Văn bản về việc tham gia ý kiến dự thảo Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh triển khai thực hiện Thông báo kết luận Hội nghị sơ kết công tác nội chính của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹⁵.

- Thực hiện Chương trình số 07-CTr/BCĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh (*viết tắt là Ban Chỉ đạo*) về kiểm tra, giám sát năm 2025, Giám đốc Sở Tư pháp, Thành viên Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch¹⁶ để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC: Không.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Không.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN,TC; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về PCTN,TC (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): Sở Tư pháp giao cho Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp

⁶ Công văn số 396/STP-TTr ngày 03 tháng 3 năm 2025.

⁷ Công văn số 252/STP-TTr ngày 12 tháng 02 năm 2025

⁸ Văn bản số 23/STP-TTr ngày 27-3-2025

⁹ Văn bản số 19/STP-TTr ngày 19-3-2025

¹⁰ Báo cáo số 142/BC-STP ngày 25 tháng 4 năm 2025

¹¹ Văn bản số 798/STP-TTr ngày 26 tháng 4 năm 2025

¹² Báo cáo số 119/BC-STP ngày 29-3-2025

¹³ Kế hoạch số 47/KH-STP ngày 06/5/2025;

¹⁴ Báo cáo số 159/BC-STP ngày 07/5/2025;

¹⁵ Văn bản số 881/STP-TTr ngày 09 tháng 5 năm 2025

¹⁶ Kế hoạch số 27/KH-STP ngày 03 tháng 3 năm 2025.

với các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện công tác PCTN,TC trong cơ quan.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN,TC:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cộng đồng đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Ban hành Văn bản số 218/STP-XDKTr&PBPL ngày 07 tháng 02 năm 2025 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2025; Văn bản số 649/STP-XDKTr&PBPL ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2025.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN,TC (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra): Không.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Kết quả công khai, minh bạch theo Điều 10 Luật PCTN: Sở Tư pháp thực tốt việc công khai, minh bạch các nội dung cụ thể sau:

- + Thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức và người lao động (CCVC và NLĐ). Thường xuyên cử CCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ công tác (trong Quý I/2025, Sở Tư pháp cử 01 công chức tham dự Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính; 01 công chức tham gia Lớp Trung cấp Lý luận chính trị).

- + Quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo chặt chẽ, không để hư hỏng, thất thoát.

- + Thực hiện có hiệu quả, đúng quy định trong công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển CCVC thuộc thẩm quyền của Sở, đảm bảo hợp lý và phát huy hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện đúng quy tắc ứng xử trong cơ quan, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nội quy, quy chế; giữ gìn đoàn kết nội bộ và phát huy dân chủ trong cơ quan.

- Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về công khai minh bạch; kết quả phát hiện vi phạm và xử lý: Không.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ

quan Sở Tư pháp và Quyết định số 92/QĐ-STP ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum.

- Kiểm tra việc thực hiện về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý vi phạm (nếu có): Không.

c) *Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn*: Lãnh đạo Sở và Thủ trưởng các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn. Tại Sở Tư pháp không có trường hợp vi phạm: kỷ luật, kỷ cương hành chính; quy tắc ứng xử; quy định về tặng quà và nhận quà tặng; xung đột lợi ích.

d) *Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn*: Không.

đ) *Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt*: Tiếp tục đổi mới và áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và điều hành. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT - iOffice trong quá trình xử lý công việc nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và năng suất công việc, giảm chi phí hành chính. Việc trả lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác,...đều thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

e) *Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ (trong đó số người: kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ): 03.

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai: 03 bản, công khai trên bảng thông báo tại trụ sở làm việc của Sở.

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh: Không.

- Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; hình thức xử lý: Không.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước (nếu có): Không.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN,TC: Không.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN: Không.

(Gửi kèm: Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a. Tình hình tham nhũng, tiêu cực ngày càng phức tạp, tinh vi, khó phát hiện, do đó cần phải đẩy mạnh việc thực hiện các giải pháp về công tác PCTN,TC, trong đó, chú trọng việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN,TC.

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Không xảy ra tham nhũng.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*): Không xảy ra tham nhũng.

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng: Không.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN,TC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN,TC:

- Công tác PCTN,TC luôn được Lãnh đạo Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên chỉ đạo thực hiện; công tác PCTN,TC được gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Chủ động đề ra các giải pháp để triển khai kịp thời, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp có thẩm quyền về PCTN,TC.

- CCVC và NLĐ trong cơ quan thực hiện nghiêm túc Luật PCTN, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh PCTN,TC, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp không có vi phạm về PCTN,TC.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN,TC kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Không xảy ra tham nhũng.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN,TC: Hoàn tốt nhiệm vụ về công tác PCTN,TC.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN,TC: Không.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết

công việc; Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCTN, TC 6 tháng đầu năm 2025 của Sở Tư pháp, kính gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (đ/b);
- Văn phòng Sở;
- Trang TTĐT của Sở (để đ/t);
- Lưu VT, TTr/STP.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Thắng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 04/3/2025**

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	07 (Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-STP ngày 05 tháng 02 năm 2025; Kế hoạch số 18/KH-STP ngày 24 tháng 02 năm 2025; Kế hoạch số 27/KH-STP ngày 03 tháng 3 năm 2025; Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025; Văn bản số 218/STP-XDKTr&PBPL ngày 07/02/2025 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2025; Văn bản số 649/STP-XDKTr&PBPL ngày 09/4/2025 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2025)
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
4	Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc về PCTN	Cuộc	0
5	Số văn bản về PCTN hoặc có liên quan đến PCTN đã xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành	Văn bản	0
6	Số kiến nghị khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật và trong tổ chức thực hiện để PCTN	Kiến nghị	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
7	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	0
8	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	0
9	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	03 số Thông tin PBGDPL (3.300 cuốn); 02 số Tập san Tư pháp (1.400 cuốn) theo định kỳ; biên soạn, đăng tải 30 loại Tờ gấp PBGDPL về tham nhũng trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
10	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	0
11	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	0
12	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	0
	Kiến nghị xử lý hành chính		
13	+ Tập thể	tập thể	0

14	+ Cá nhân	người	0
	Kiểm nghị xử lý hình sự		
15	+ Số vụ	vụ	0
16	+ Số đối tượng	Đối tượng	0
	PHÒNG NGŨA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
17	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	Cuộc	0
18	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, ĐV	0
19	Số cơ quan, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
20	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
21	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
22	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
23	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	CQ, ĐV	0
24	Số đơn vị vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Đơn vị	0
25	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
26	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
27	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
28	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
30	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	Cuộc	0
31	Số cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, ĐV	0
32	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
33	Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng	Đơn vị	0
34	Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng	Người	0
35	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0

36	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
37	Số người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có xung đột lợi ích	Người	0
38	Số người bị chuyển sang vị trí công tác khác do có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao	Người	0
39	Số người bị xử lý do có vi phạm vi xung đột lợi ích	Người	0
40	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
41	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
42	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
43	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	125
44	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	111
45	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
46	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
47	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
48	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	3
49	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	3
50	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
51	Số cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, ĐV	0
52	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
52.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	0
52.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
53	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0

54	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
55	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
56	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
57	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
58	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
59	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	Vụ	0
60	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	Người	0
61	Số vụ tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng	Vụ	0
62	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng	Người	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
63	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
64	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
65	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
66	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
67	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
68	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
69	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
70	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0

71	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
72	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
73	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
74	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
75	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
76	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
77	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
78	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
79	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
80	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
81	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
82	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
83	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
84	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
85	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
85.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	0
85.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	0
85.3	- <i>Cách chức</i>	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
86	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án)	Vụ	0
87	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	0
87.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	0
87.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	0
87.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	0

87.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
88	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
89	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
	<i>Trong đó, số đảng viên bị xử lý kỷ luật</i>	<i>Người</i>	<i>0</i>
90	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
91	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
92	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
93	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
94	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
94.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
94.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
95	Đất đai	m ²	0
95.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
95.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
96	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
97	Đất đai	m ²	0
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)		
98	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
99	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
100	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	0
101	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	0
102	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	0
103	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
104	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0

105	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
106	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
107	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
108	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
109	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
110	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
111	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn